TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIÊT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Hưng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Xuân Trường**

2. Bà **Trần Thị Tuyết Nhung**

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông **Trần Việt Dũng** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- ***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà **Phạm Ngọc Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 " Về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 06/2019/TB-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Minh N**, sinh năm 1981.
Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1979.
Đều trú tại: Khu 3, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.
(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị Lê Thị Minh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn với nhau vào ngày 10/01/2003 hoàn toàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng đi vào Nam làm ăn sinh sống đến năm 2010 thì trở về khu 3, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ ở và làm ăn sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất

đồng quan điểm trong công việc cũng như trong sinh hoạt dẫn đến vợ chồng hay cãi chửi nhau, anh H thường xuyên chửi và đánh chị. Đến tháng 6 năm 2018 chị đã làm đơn xin ly hôn và đã được Tòa án thụ lý giải quyết, được Tòa án và hai bên gia đình hòa giải nên chị đã cho anh H cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ, chị đã rút đơn ly hôn, được tòa án đình chỉ giải quyết, sau khi vợ chồng về tiếp tục chung sống, vợ chồng liên tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H càng sớm càng tốt để giải phóng cho bản thân.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 10/3/2008. Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết mà để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau.

Về công sức: Chị xác định không có nên chị không có yêu cầu gì.

**** Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Ngọc H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, các thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như chị N trình bày là hoàn toàn đúng, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống đôi lúc vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn . Vợ chồng anh chị vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Anh cũng xác nhận tháng 6/2018 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh, sau đó chị N đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng về đoàn tụ nên Tòa án nhân dân thị xã P đã đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 9/2018. Từ khi vợ chồng trở về đoàn tụ cho tới nay, anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chị N luôn cố ý lảng tránh, gây xung đột với anh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh xin được đoàn tụ, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh xác định tình cảm không còn, không thể trở về đoàn tụ với chị N được nữa nên anh nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị N.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung tên, tuổi như chị N trình bày là đúng. Ly hôn anh xin trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai cháu, cháu nào cũng được.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh xác định như chị N trình bày và anh cũng không đề nghị tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại buổi làm việc với chính quyền địa phương nơi chị N và anh H sinh sống được chính quyền cho biết anh H và chị N có xảy ra mâu thuẫn nên tháng 6/2018

chị N phải làm đơn xin ly hôn anh H sau đó được tòa án hòa giải vợ chồng lại trở về đoàn tụ. Từ khi anh, chị về tiếp tục chung sống với nhau vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi, chửi nhau nên chị N tiếp tục làm đơn xin ly hôn anh H. Quan điểm địa phương đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị tòa án xem xét đến nguyện vọng của các cháu và xét đến điều kiện của các bên để giao con cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Căn cứ vào điều 55,điều 26, điều 33, điều 37, điều 59, điều 60, điều 62, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Minh N và anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Đề nghị xử giao cho chị Lê Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 12/4/2004, giao cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 10/3/2008 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Lê Thị Minh N, anh Nguyễn Ngọc H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc và giao dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản; Về công nợ và công sức: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Lê Thị Minh N và anh Nguyễn Ngọc H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị N và anh H có nơi cư trú tại xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

Ngày 11/5/2019 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/5/2019, đến ngày xét xử chị N có mặt, anh H vắng mặt không có lý do mặc dù anh H đã nhận được quyết định xét xử, nên HĐXX Tòa án nhân dân thị xã P căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 21/6/2019 chị N, anh H đều có mặt nên tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Minh N và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn vào ngày 10/01/2003 hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ đây là cuộc hôn nhân hợp pháp . Sau kết hôn vợ chồng đi vào Nam làm ăn sinh sống đến năm 2010 thì trở về sinh sống và làm ăn tại khu 3, xã T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H hay chửi và đánh chị N do đó đến tháng 6/2018 chị N đã làm đơn xin ly hôn, được tòa án và gia đình hòa giải nên vợ chồng trở về đoàn tụ. Kể từ khi vợ chồng trở về tiếp tục chung sống cho đến nay tình cảm vợ chồng không được cải thiện, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn chị Ngọc xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, Tại phiên tòa hôm nay anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa nên anh cũng nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị N. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Qua ý kiến của chính quyền cùng các đoàn thể ở địa phương cũng xác định vợ chồng anh chị đã sống ly thân, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được để nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng nhất trí ly hôn chị N do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh H là phù hợp với nguyện vọng của cả hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Chị N và anh H đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 12/4/2004 và cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 10/3/2008. Ly hôn chị N xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, còn quan điểm anh H xin được nuôi dưỡng một

trong hai cháu, cháu nào cũng được. Qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và Hội phụ nữ xã T nơi anh, chị chung sống đề nghị tòa án xem xét về điều kiện thực tế của chị N và anh H, để giao con chung cho các bên để cho các con phát triển toàn diện nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân và chưa thành niên, cha, mẹ đều phải có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, Xét về điều kiện thu nhập của chị N nếu giao cả hai cháu cho chị N nuôi dưỡng thì sẽ không đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến việc học tập và phát triển của các cháu do đó nên cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu gái là Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 12/4/2004 còn để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu trai là Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 10/3/2008 và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với điều kiện kinh tế của mỗi bên, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức: Cả hai bên đều không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 58,81,82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Xử: Công nhân thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Minh N và anh Nguyễn Ngọc H.

2. Về con chung:

Xử: Giao cho chị Lê Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hoàng A, sinh ngày 12/4/2004, giao cho anh Nguyễn Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Hoàng L, sinh ngày 10/3/2008, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với nhau.

Chị N và anh H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị N và anh H không đề nghị giải quyết, nên HĐXX Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Minh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002151 ngày 11tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. (Xác nhận chị N đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- UBND xã Vĩnh Chân - Hạ Hòa;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy